

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 15- 01-2024
*V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh

Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành là Thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 524/2023/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2023/QĐXX-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Ngọc L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị L, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 18/9/2023 của nguyên đơn là chị Cao Thị Ngọc L và quá trình giải quyết vụ án trình bày:** Chị chị có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm đầu thảo. Cụ thể gồm các dây hụi như sau:

1/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khai vào ngày 01/02/2020 âm lịch và mãi vào ngày 01/02/2023 âm lịch, có tổng cộng 36 phân, chị tham gia một phân và đã đóng được 35 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 42.000.000 đồng.

Sang kỳ thứ 36 vào tháng 0 năm 2023 bà H tuyên bố bế hội. Như vậy đây hội này bà H nợ chi 42.000.000 đồng.

2/ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai vào ngày 19/04/2020 âm lịch và mãn vào ngày 19/01/2023 âm lịch, có tổng cộng 33 phần, chị tham gia 01 phần và đóng được 32 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 38.400.000 đồng. S kỳ thứ 33 thì chị H tuyên bố bế hội nợ lại chi 38.400.000 đồng.

3/ Dây hội 2.000.000 đồng/ tháng, khai vào ngày 11/7/2020 âm lịch và mãn vào ngày 11/08/2023 âm lịch, có tổng cộng 37 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 30 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 36.000.000 đồng. Sang kỳ thứ 31 thì bà H tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H nợ chi 36.000.000 đồng.

4/ Dây hội 2.000.000 đồng/ tháng, khai vào ngày 16/01/2021 âm lịch mãn vào ngày 16/02/2023 âm lịch, có tổng cộng 37 phần, chị tham gia 02 phần, đóng được 23 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.400.000 đồng (2 phần), thành tiền là 55.200.000 đồng. Sang kỳ thứ 24 tức vào tháng 2 năm 2023 thì bà H tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H nợ chi 55.200.000 đồng.

5/ Dây hội 2.000.000 đồng/ tháng, khai vào ngày 21/12/2021 âm lịch mãn vào ngày 21/03/2025 âm lịch, có tổng cộng 39 phần, chị tham gia 02 phần, đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.400.000 đồng (2 phần), thành tiền là 33.600.000 đồng. Đến tháng 2 năm 2023 thì bà H tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H nợ chi 33.600.000 đồng.

6/ Dây hội 2.000.000 đồng/ tháng, khai vào ngày 07/03/2022 âm lịch mãn vào ngày 07/06/2025 âm lịch, có tổng cộng 39 phần, chị tham gia 02 phần đóng được 11 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.400.000 đồng (02 phần) thành tiền là 26.400.000 đồng. Tháng 2 năm 2023 thì bà H tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H còn nợ chi là 26.400.000 đồng.

7/ Dây hội 2.000.000 đồng/ tháng, khai vào ngày 13/05/2022 âm lịch mãn vào ngày 13/09/2025 âm lịch, có tổng cộng 40 phần, chị tham gia 01 phần đóng được 09 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.200.000 đồng thành tiền là 10.800.000 đồng. Đến tháng 2 năm 2023 thì bà H tuyên bố bế hội. Dây hội này bà H còn nợ chi 10.800.000 đồng.

Tổng cộng 07 dây hội này chị chưa có hết. Nay chị L yêu cầu bà H trả lại vốn gốc số tiền hội đã đóng tổng cộng là 242.400.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu pháp luật.

* *Tại bản tự khai cùng ngày 12/12/2023 của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H và quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà H thừa nhận chị Cao Thị Ngọc L có tham gia 07 dây hội nêu trên do bà làm đầu thảo, các dây hội này chị L chưa có hết. Hiện nay bà còn nợ lại chị L 07 dây hội tổng cộng là 242.400.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền trên cho chị L, nhưng hiện nay gia đình quá khó khăn nên xin khi nào gia đình bà bán được đất sẽ trả hết số nợ trên cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được qui định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về số tiền nợ hui, tại phiên tòa nguyên đơn là chị Cao Thị Ngọc L và bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất được với nhau về số tiền của 07 dây hui mà bà H nợ chị L là 242.400.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, chị Cao Thị Ngọc L yêu cầu bà H trả số tiền nợ hui nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Bà H đồng ý trả 242.400.000 đồng nhưng xin khi nào bán được đất thì trả hết số nợ nêu trên cho chị L, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn. Xét thấy lời trình bày của bà H là không có cơ sở, bởi lẽ bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đồng thời chị L không yêu cầu bà H trả lãi là có lợi cho bị đơn. Do đó cần phải buộc bà H phải trả số tiền 242.400.000 đồng cho chị L khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị L được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (242.400.000 đồng x 5%) là 12.120.000 đồng.

Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Cao Thị Ngọc L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Cao Thị Ngọc L tổng số tiền hội là 242.400.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 12.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Cao Thị Ngọc L 6.060.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010616 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

Trịnh Phan Minh Trâm

